

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 53

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Trọng Ngôn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Nguyễn Trọng Bình	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Nguyễn Thành Đồng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Phan Anh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Đậu Thảo	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Phan Tất Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Thái Văn Chấn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Trương Phước Nghĩa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Lê Thanh Hồng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Phan Trịch Anh Tuấn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Bình	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/07/2015)
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Quang	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên

Đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty

Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
Address: 15th Floor, Center Building - Hapulico Complex, No. 1 Nguyen Huy Tuong Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi
Tel: + 84 (4) 666 42 777 Fax: + 84 (4) 666 43 777 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 101.03/2016/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2016, từ trang 6 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.




Nguyễn Nam Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016



Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.225.040.994.170	1.059.065.180.727
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		90.929.799.363	212.612.996.229
1. Tiền	111	V.1	90.929.799.363	212.612.996.229
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		149.643.220.000	18.698.280.111
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.3a	59.642.509.220	12.643.316.020
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.3a	(5.699.289.220)	(5.725.386.020)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.3b	95.700.000.000	11.780.350.111
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		942.330.036.063	762.361.310.304
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	312.251.061.212	206.252.923.087
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	157.024.928.381	161.124.938.828
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	197.889.706.128	177.907.803.245
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	343.577.917.210	282.872.119.861
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(68.413.576.868)	(65.796.474.717)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	39.505.257.238	63.116.336.286
1. Hàng tồn kho	141		39.505.257.238	63.116.336.286
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.632.681.506	2.276.257.797
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	146.528.005	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.486.153.501	2.276.257.797
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		528.542.696.066	442.374.375.017
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		33.415.497.201	51.300.106.493
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	33.415.497.201	51.300.106.493
II. Tài sản cố định	220		52.683.098.361	44.577.532.140
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33.779.888.835	27.222.848.052
- Nguyên giá	222		72.897.921.620	65.136.872.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.118.032.785)	(37.914.024.554)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	18.903.209.526	17.354.684.088
- Nguyên giá	228		19.393.295.846	17.833.520.408
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(490.086.320)	(478.836.320)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		353.893.532.240	250.608.857.857
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	353.893.532.240	250.608.857.857
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		87.412.450.825	94.807.254.138
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	152.845.280.000	168.587.219.500
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.14	18.414.100.000	49.782.700.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.15	42.739.009.234	43.301.524.707
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(126.585.938.409)	(166.864.190.069)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.138.117.439	1.080.624.389
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	757.062.973	1.080.624.389
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		381.054.466	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.753.583.690.236	1.501.439.555.744

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		808.162.814.740	767.503.353.280
I. Nợ ngắn hạn	310		802.705.961.988	572.744.555.408
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	186.494.609.858	203.775.353.051
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		64.777.591.581	32.121.155.291
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	12.483.529.695	9.315.515.258
4. Phải trả người lao động	314		4.039.699.356	7.085.332.122
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	122.320.654.361	70.306.642.082
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	8.589.451.167	17.491.460.841
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	399.822.331.220	228.889.888.107
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		3.946.172.138	3.946.172.138
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		231.922.612	(186.963.482)
II. Nợ dài hạn	330		5.456.852.752	194.758.797.872
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	5.456.852.752	194.758.797.872
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		945.420.875.496	733.936.202.464
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	945.420.875.496	733.936.202.464
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		823.575.050.000	637.210.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		823.575.050.000	637.210.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.522.600.000	2.725.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.665.281.617	2.627.092.916
4. Cổ phiếu quỹ	415		(28.712.098.397)	(28.712.098.397)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.985.555.466	11.985.555.466
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		132.384.486.810	108.100.042.479
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		43.210.369.276	73.493.752.449
- LNST chưa phân phối năm này	421b		89.174.117.534	34.606.290.030
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.753.583.690.236	1.501.439.555.744


Trần Quang Cần
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 03 năm 2016


Phan Anh Quang
Kế toán trưởng


Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		913.420.973.948	901.945.935.856
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	913.420.973.948	901.945.935.856
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	776.903.834.424	630.844.099.386
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136.517.139.524	271.101.836.470
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	40.020.978.602	17.238.305.575
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	22.309.512.355	132.771.861.580
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.518.837.069	40.669.566.700
8. Chi phí bán hàng	25		15.346.000	14.407.727
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.5	39.783.982.177	54.846.878.568
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		114.429.277.594	100.706.994.170
11. Thu nhập khác	31	VL.6	1.058.058.789	1.332.392.600
12. Chi phí khác	32	VL.7	2.638.334.776	58.349.109.411
13. Lợi nhuận khác	40		(1.580.275.987)	(57.016.716.811)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.849.001.607	43.690.277.359
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VL.8	24.055.938.539	9.083.987.329
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(381.054.466)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.174.117.534	34.606.290.030
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VL.9	-	-


Trần Quang Cán
Người lập biểu
Ngày 28 tháng 03 năm 2016


Phan Anh Quang
Kế toán trưởng


Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	763.810.002.928	1.194.259.408.803
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(680.543.024.046)	(875.148.890.737)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(20.472.652.466)	(16.100.970.825)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(20.185.296.042)	(61.043.822.510)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(20.725.146.328)	(4.803.575.095)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.962.697.114	810.969.462
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(57.298.731.595)	(76.854.462.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(29.452.150.435)	161.118.657.090
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(97.034.759.725)	(26.433.834.396)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	180.000.000	6.252.149.835
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(205.099.000.000)	(200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	117.747.391.426	2.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(53.635.940.000)	(141.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	32.875.299.492	161.004.770.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.862.146.587	2.719.901.819
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(198.104.862.220)	145.701.987.258
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở	31	124.243.270.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	478.273.781.595	860.720.162.835
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(496.643.283.602)	(1.024.769.197.536)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(11.991.304.060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	105.873.767.993	(176.040.338.761)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(121.683.244.662)	130.780.305.587
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	212.612.996.229	81.832.675.193
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	47.796	15.449
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	90.929.799.363	212.612.996.229


Trần Quang Cận
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2016


Phan Anh Quang
Kế toán trưởng


Đoàn Đức Hồng
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (“Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt Phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế số 0400101450 (thay đổi lần thứ 7 ngày 17 tháng 12 năm 2015) thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số số 3203000819 ngày 01 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Tổng Công ty có tổng số vốn điều lệ là 823.575.050.000 đồng và trụ sở chính tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng; Xây dựng hệ thống cấp ngậm cấp điện áp đến 220KV;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; Tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư nhà máy điện độc lập;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái; Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Sàn giao dịch bất động sản (trừ đấu giá bất động sản); Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Khảo sát, đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Vận tải hành khách ven biển;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các loại sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng;
- Bán buôn các mặt hàng trang trí nội, ngoại thất; Bán buôn thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây truyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác; Bán buôn thiết bị văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh, sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Bán buôn, lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Bán buôn bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán buôn các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm;
- Bán buôn hóa mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, hoạt động chính của Tổng Công ty là xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian trên 12 tháng, tùy thuộc vào các công trình xây lắp do Tổng Công ty ký kết với các chủ đầu tư.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam gồm:

Đơn vị

Văn phòng Tổng Công ty

Địa chỉ

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận,
Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc

1. Khách sạn xanh Đà Nẵng
2. Sàn Giao dịch bất động sản VNECO

Địa chỉ

Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu,
Thành phố Đà Nẵng
Số 02 Lê Lợi, Phường Vĩnh Ninh, Thành phố
Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3
2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12
5. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA-VNECO
6. Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO

Địa chỉ

Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An
Số 197 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh,
Tỉnh Nghệ An
Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma
Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Số 155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới,
Tỉnh Quảng Bình
R1-72 Bùi Bằng Đoàn, Phú Mỹ Hưng, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh
Số 2 Lê Lợi, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên
Huế

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Công ty liên kết

Địa chỉ

- | | |
|---|--|
| 1. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2 | Số 13 Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An |
| 2. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7 | Số 51 Phạm Như Xương, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng |
| 3. Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10 | Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định |

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu là 18.636.444 cổ phiếu và mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện đầu tư vốn và thoái vốn tại Công ty con và công ty liên kết, chi tiết như sau:

Công ty	Vốn đầu tư VND
<u>Đầu tư vào công ty con</u>	
Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia	1.020.000.000
<u>Thoái vốn tại các công ty con</u>	
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng VNECO	5.102.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Nghệ An	13.885.939.500
<u>Thoái vốn tại các công ty liên kết</u>	
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 5	4.050.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 6	10.636.550.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 11	9.560.000.000

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

III. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản khác	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao; Giá trị giấy phép chuyển nhượng và phần mềm máy tính ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Trái phiếu phát hành

Tổng Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán bất động sản Tổng Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	1.391.822.791	1.200.782.317
Tiền gửi ngân hàng	89.537.976.572	211.412.213.912
Cộng	90.929.799.363	212.612.996.229

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn - không thuộc bên liên quan		
BQLDA các công trình Điện Miền Trung	67.108.362.726	40.270.133.789
Công ty CP Năng lượng tái tạo Châu Á	64.734.527.764	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hải Xuân VNECO	47.235.359.333	4.956.595.278
BQLDA Phát triển Điện lực miền Bắc	37.660.157.388	-
BQLDA Các công trình Điện Miền Bắc	36.998.052.940	33.762.761.531
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	21.502.667.587	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Sản xuất và Xây dựng Đồng Mê Kông	10.000.000.000	10.000.000.000
BQLDA Các công trình Điện Miền Nam	7.529.673.155	32.559.512.087
Công ty TNHH MTV Xây dựng điện 2	1.456.862.139	1.513.347.067
Công ty TNHH Hùng Quý	-	19.318.592.236
Công ty CP Xây Dựng Mai Linh Hà Tĩnh	-	22.008.559.073
Các đối tượng khác	18.025.398.180	4.583.009.441
b. Phải thu ngắn hạn các bên liên quan		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng MÊCA-VNECO	-	37.280.412.585
Cộng	312.251.061.212	206.252.923.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015		01/01/2015	
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Số lượng CP	Giá gốc VND
LAF	-	-	134.000	2.635.146.800
SDP	32.700	782.351.220	32.700	782.351.220
VFR	130.000	3.947.111.800	130.000	3.947.111.800
LCG	309.000	5.278.706.200	309.000	5.278.706.200
GEX	2.800.000	49.634.340.000	-	-
Cộng		59.642.509.220		12.643.316.020
				(5.699.289.220)
				67.588.880.000
				6.917.930.000
				(5.725.386.020)
				(1.212.546.800)
				(425.921.220)
				(1.620.111.800)
				(2.466.806.200)

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	95.700.000.000	95.700.000.000	11.780.350.111	11.780.350.111
Cộng	95.700.000.000	95.700.000.000	11.780.350.111	11.780.350.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn - không thuộc bên liên quan		
Công ty CP DVTM Kinh doanh Nhà Tín Nghĩa	65.000.000.000	65.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại XD Phúc Vân Hà	50.728.000.000	50.728.000.000
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng	22.793.022.727	22.793.022.727
Công ty CP Điện Tự Động Nam Thịnh	1.888.882.240	1.839.732.996
Công ty CP Tư Vấn & Xây Dựng VNECO	8.616.499.178	3.936.602.780
Các khoản trả trước cho người bán khác	7.998.524.236	11.902.493.494
b. Trả trước ngắn hạn cho các bên liên quan		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng MÊCA-VNECO	-	1.666.526.295
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	-	3.258.560.536
Cộng	157.024.928.381	161.124.938.828

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công Ty CP Du Lịch Xanh Huế	117.707.538.985	104.649.692.325
Tổng Công ty CP Năng lượng tái tạo Châu Á	2.700.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện MÊCA-VNECO	77.482.167.143	73.258.110.920
Cộng	197.889.706.128	177.907.803.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu liên quan Dự án 293 Nguyễn Văn Trỗi, HCM	205.340.573.879	205.340.573.879
- BQLDA các công trình điện Miền Nam	23.205.537.177	183.187.950
- BQLDA các công trình điện Miền Trung	3.921.694.029	4.580.110.003
- BQLDA các công trình điện Miền Bắc	10.576.527.838	878.366.483
- Tạm ứng	14.219.779.563	15.090.277.649
- Ký cược, ký quỹ	8.000.000.000	-
- Các khoản chi hộ	44.396.838.596	45.445.168.668
- Phải thu các đối tượng khác	33.916.966.128	11.354.435.229
Cộng	343.577.917.210	282.872.119.861
b. Dài hạn		
- Thu xếp vốn dài hạn cho Công ty CP Du lịch Xanh Huế	33.415.497.201	43.300.106.493
- Ký cược dài hạn tiền đặt cọc cam kết tiến độ triển khai Dự án Khu DL xanh Lăng Cô	-	8.000.000.000
Cộng	33.415.497.201	51.300.106.493
c. Phải thu khác các bên liên quan		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	86.051.720	76.051.720
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	-	71.114.521
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	559.537.693
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	30.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng MÊCA-VNECO	37.921.396.614	-
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	33.415.497.201	43.300.106.493
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	741.189.509	616.277.161
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	3.441.202.176	18.624.942.293
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	703.872.540	614.349.120
Cộng	76.339.209.760	63.862.379.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<u>Phải thu khách hàng</u>				
Ban QLDA lưới điện - Công ty Điện lực 3	112.283.618	-	112.283.618	-
Ban A - Công ty Truyền tải Điện 4	170.167.570	-	170.167.570	-
Ban A - Hàm Thuận Đa My	570.974.554	-	570.974.554	-
Các đối tượng khác	69.245.115	-	69.245.115	-
<u>Trả trước cho người bán</u>				
Công ty CP DVTM Kinh doanh Nhà Tin Nghĩa (*)	65.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà (*)	50.728.000.000	50.728.000.000	50.728.000.000	50.728.000.000
Công ty TNHH Tư vấn hoạch định nguồn lực DN E.R.P	195.000.000	-	195.000.000	-
Công ty TNHH An Thuận	119.361.786	-	119.361.786	-
VP Tư vấn & CGCN ĐHKT Hà Nội	140.000.000	-	140.000.000	-
Các đối tượng khác	221.031.500	-	221.031.500	-
<u>Phải thu khác</u>				
Lâm Phúc Lâm và Lã Thị Thủy Vân (*)	182.520.858.333	145.000.000.000	182.520.858.333	145.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà (*)	22.819.715.546	-	22.819.715.546	-
Ông Lý Quốc Cường	3.100.601.109	-	3.100.601.109	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.493.124.447	32.796.916	2.493.124.447	2.493.124.447
Các đối tượng khác	562.597.000	-	562.597.000	-
Cộng	328.822.960.578	260.760.796.916	328.822.960.578	263.221.124.447



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. NỢ XẤU (TIẾP)

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tam ứng				
Huỳnh Anh Đức	109.623.449	-	109.623.449	-
Phan Đình Hùng	99.500.000	-	99.500.000	99.500.000
Các đối tượng khác	142.289.757	-	142.289.757	57.274.620
Cộng	351.413.206	-	351.413.206	156.774.620

(*) Các khoản ứng tiền trước cho người bán và phải thu liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và đường Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm kiểm toán, Tổng Công ty đã năm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu đất và tài sản trên đất, tuy nhiên Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu từ các đối tượng phải thu trên sang thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	31.166.181.749	-	21.020.462.989	-
Công cụ, dụng cụ	1.392.881.472	-	1.089.241.382	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.634.849.788	-	40.576.941.913	-
Thành phẩm nhập kho	260.366.050	-	353.364.898	-
Hàng hoá	31.279.626	-	40.871.188	-
Hàng gửi bán	19.698.553	-	35.453.916	-
Cộng	39.505.257.238	-	63.116.336.286	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	35.971.545.873	17.270.833.359	11.442.147.237	452.346.137	65.136.872.606
Mua trong năm	3.588.370.000	583.219.275	5.545.261.666	42.439.091	9.759.290.032
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	76.818.182	-	-	76.818.182
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.075.059.200)	-	(2.075.059.200)
Tại ngày 31/12/2015	39.559.915.873	17.930.870.816	14.912.349.703	494.785.228	72.897.921.620
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	10.477.144.552	16.582.002.394	10.519.562.798	335.314.810	37.914.024.554
Khấu hao trong năm	2.525.075.460	389.087.551	340.870.951	24.033.469	3.279.067.431
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.075.059.200)	-	(2.075.059.200)
Tại ngày 31/12/2015	13.002.220.012	16.971.089.945	8.785.374.549	359.348.279	39.118.032.785
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	25.494.401.321	688.830.965	922.584.439	117.031.327	27.222.848.052
Tại ngày 31/12/2015	26.557.695.861	959.780.871	6.126.975.154	135.436.949	33.779.888.835

Giá trị còn lại của tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 dùng để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng là 23.341.485.495 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 là 25.040.016.042 đồng).

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 25.055.619.770 đồng (ngày 01 tháng 01 năm 2015: 28.062.177.339 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	17.354.684.088	50.086.320	428.750.000	17.833.520.408
Mua trong năm	1.529.775.438	-	30.000.000	1.559.775.438
Tại ngày 31/12/2015	18.884.459.526	50.086.320	458.750.000	19.393.295.846
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	-	50.086.320	428.750.000	478.836.320
Khấu hao trong năm	-	-	11.250.000	11.250.000
Tại ngày 31/12/2015	-	50.086.320	440.000.000	490.086.320
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	17.354.684.088	-	-	17.354.684.088
Tại ngày 31/12/2015	18.884.459.526	-	18.750.000	18.903.209.526

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Dự án Đầu tư khu đô thị mới Mỹ Thượng, Thừa Thiên Huế	230.458.296.504	181.549.584.258
Dự án Siêu thị GREEN MARK - Đà Nẵng	58.251.508.757	58.087.708.757
Dự án Đầu tư khu du lịch Xanh Lăng Cô	14.064.683.024	10.971.564.842
Dự án đầu tư trụ sở văn phòng làm việc của Tổng Công ty tại 344 Phan Châu Trinh	208.166.345	-
Dự án Khu Tổ hợp căn hộ cao cấp, trung tâm thương mại và khách sạn VNECO Sơn Trà	50.910.877.610	-
Cộng	353.893.532.240	250.608.857.857

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	146.528.005	-
Cộng	146.528.005	-
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	720.562.973	1.080.624.389
Các khoản khác	36.500.000	-
Cộng	757.062.973	1.080.624.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/12/2015				01/01/2015			
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	698.572	6.985.720.000	8.732.150.000	-	698.572	6.985.720.000	7.335.006.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	562.602	5.192.580.000	6.807.484.200	-	562.602	5.192.580.000	5.682.280.200	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	1.006.809	9.746.980.000	9.464.004.600	(282.975.400)	1.006.809	9.746.980.000	7.450.386.600	(2.296.593.400)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	788.752	7.887.000.000	9.270.867.697	-	788.752	7.887.000.000	9.763.794.119	-
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	-	-	-	-	510.200	5.102.000.000	-	(5.102.000.000)
Công ty CP ĐT&XD MẾCA-VNECO	6.310.000	63.100.000.000	7.572.000.000	(55.528.000.000)	6.310.000	63.100.000.000	6.310.000.000	(56.790.000.000)
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	5.891.300	58.913.000.000	-	(58.913.000.000)	5.668.700	56.687.000.000	-	(56.687.000.000)
Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO	-	-	-	-	1.388.594	13.885.939.500	10.886.386.066	(2.999.553.434)
Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia	-	1.020.000.000	602.719.953	(417.280.047)	-	-	-	-
Cộng		152.845.280.000	42.449.226.450	(115.141.255.447)		168.587.219.500	47.427.852.985	(123.875.146.834)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. ĐÀU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP)

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Nghệ An	52,93%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Nghệ An	54,73%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Đắc Lắc	55,93%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
4	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Quảng Bình	65,73%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
5	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA VNECO	TP.HCM	70,05%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;...
6	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	TT.Huế	98,35%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
7	Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia	TP.HCM	51,00%	Quản lý và điều hành khách sạn

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	31/12/2015		01/01/2015		Dự phòng VND	Dự phòng VND
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng CP		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	679.075	5.854.100.000	8.080.992.500	-	5.854.100.000	7.334.010.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	-	-	-	-	4.050.000.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	-	-	-	-	10.636.550.000	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	956.000	9.560.000.000	-	(9.560.000.000)	9.560.000.000	(9.560.000.000)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	300.000	3.000.000.000	4.492.997.512	-	3.000.000.000	4.303.605.492
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 11	-	-	-	-	16.682.050.000	-
Cộng		18.414.100.000	12.573.990.012	(9.560.000.000)	49.782.700.000	11.637.615.492

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Nghệ An	36,49%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;..
2	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Đà Nẵng	31,16%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;..
3	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Bình Định	30,05%	Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh các thiết bị điện;..



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2015			01/01/2015				
	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng CP	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 1	84.490	758.179.800	675.920.000	(82.259.800)	84.490	758.179.800	337.960.000	(420.219.800)
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 9	198.240	1.982.484.527	1.486.800.000	(495.684.527)	230.180	2.545.000.000	3.867.024.000	-
Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	277.904	5.114.023.435	3.807.284.800	(1.306.738.635)	277.904	5.114.023.435	3.473.800.000	(1.640.223.435)
Công ty CP Sông Ba	53.627	368.800.000	520.181.900	-	53.627	368.800.000	589.897.000	-
Công ty CP Thủy điện Sông Chở	369.552	3.695.521.472	3.695.521.472	-	369.552	3.695.521.472	3.695.521.472	-
Công ty CP ĐT&XD Điện Hời Xuân VNECO	3.082.000	30.820.000.000	30.820.000.000	-	3.082.000	30.820.000.000	30.820.000.000	-
Cộng		42.739.009.234	41.005.708.172	(1.884.682.962)		43.301.524.707	42.784.202.472	(2.060.443.235)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn - không thuộc các bên liên quan				
Công ty CP Xây Dựng Mai Linh Hà Tĩnh	4.328.034.206	4.328.034.206	18.794.678.389	18.794.678.389
Công ty TNHH Về Nguồn	1.582.736.569	1.582.736.569	-	-
Công ty CP Xây dựng Điện Thái Nam Phát	3.469.725.648	3.469.725.648	3.619.076.940	3.619.076.940
Hợp Tác Xã Xuân Long	-	-	8.573.487.087	8.573.487.087
Công ty CP Xây Dựng và Thương Mại Sao Vàng	7.700.977.779	7.700.977.779	5.319.427.562	5.319.427.562
Phải trả cho các đối tượng khác	44.995.006.846	44.995.006.846	74.237.150.875	74.237.150.875
b) Các khoản phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan				
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	14.451.119.017	14.451.119.017	15.604.955.426	15.604.955.426
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	20.594.428.482	20.594.428.482	16.633.659.895	16.633.659.895
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	21.062.489.201	21.062.489.201	20.411.906.080	20.411.906.080
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	2.998.456.203	2.998.456.203	4.770.048.998	4.770.048.998
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng MÊCA-VNECO	874.503.051	874.503.051	-	-
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	778.306.917	778.306.917	5.847.120.505	5.847.120.505
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	41.478.851.295	41.478.851.295	18.379.785.532	18.379.785.532
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	4.022.248.558	4.022.248.558	-	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	18.157.726.086	18.157.726.086	11.584.055.762	11.584.055.762
Cộng	186.494.609.858	186.494.609.858	203.775.353.051	203.775.353.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	1/1/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	11.107.793.498	11.107.793.498	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.443.942.840	24.055.938.539	20.725.146.328	9.113.150.629
Thuế thu nhập cá nhân	33.610.836	266.057.461	295.717.813	63.271.188
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.976.019	94.456.722	227.574.144	139.093.441
Cộng	12.483.529.695	35.524.246.220	32.356.231.783	9.315.515.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	119.922.308.090	69.113.651.681
Chi phí lãi vay	266.531.428	932.990.401
Chi phí phải trả khác	2.131.814.843	260.000.000
Cộng	122.320.654.361	70.306.642.082

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	249.957.652	534.754.032
Bảo hiểm xã hội	173.328.780	60.898.658
Bảo hiểm y tế	57.372.859	21.588.259
Bảo hiểm thất nghiệp	25.941.737	11.145.753
Phải trả về CP hoá	1.595.560.000	1.595.560.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.737.080	19.485.080
Phải trả lãi phát hành trái phiếu	466.666.666	-
Phải trả các đơn vị trong tổ hợp VNECO	3.379.445.946	12.647.629.777
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	2.623.440.447	2.600.399.282
Cộng	8.589.451.167	17.491.460.841
b. Phải trả khác các bên liên quan		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	1.252.801.406	143.209.408
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	1.627.386.421	395.481.976
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	355.700.564	2.839.298
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng MÊCA-VNECO	-	102.612.000
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	-	155.483.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	-	137.956.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	-	11.300.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	143.557.555	-
Cộng	3.379.445.946	12.237.581.682

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân	{i} 124.689.725.739	124.689.725.739	371.948.396.667	370.351.942.005	123.093.271.077	123.093.271.077
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng	{ii} 52.518.960.181	52.518.960.181	71.893.684.748	91.508.383.209	72.133.658.642	72.133.658.642
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng	{iii} 28.792.684.240	28.792.684.240	28.792.684.240	-	-	-
Vay ngắn hạn	206.001.370.160	206.001.370.160	472.634.765.655	461.860.325.214	195.226.929.719	195.226.929.719
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh V.20)	193.820.961.060	193.820.961.060			33.662.958.388	33.662.958.388
Tổng vay ngắn hạn	399.822.331.220	399.822.331.220			228.889.888.107	228.889.888.107

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

- {i} Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/242753/HĐTD ngày 09 tháng 06 năm 2015 với số tiền hạn mức tối đa là 200 tỷ đồng trong 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay Ngân hàng ngắn hạn và dư nợ mở L/C chưa đến hạn thanh toán, dư bảo lãnh thanh toán dự kiến thanh toán bằng vốn vay của Bên vay tại Ngân hàng được chuyển từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2014/242753/HĐTD ngày 23 tháng 05 năm 2014 và các Hợp đồng tín dụng (theo món) sang. Khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, với lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay được bảo đảm bằng tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng Việt nam đồng và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng; và các tài sản theo Hợp đồng thế chấp, cầm cố được ký kết giữa Ngân hàng và Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)**

{iii} Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tính dụng:

- Hợp đồng tín dụng theo từng lần số 294/2015/VCB-KHDN ngày 24 tháng 09 năm 2015 với số tiền vay là 26 tỷ đồng và thời hạn vay là 09 tháng, kể từ ngày rút vốn đến ngày Công ty trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn và được ghi trên Giấy nhận nợ. Khoản vay nhằm thanh toán các chi phí thi công gói thầu NPC/220VT-W01 "Cung cấp, vận chuyển cốt thép và xây lắp ĐZ 110kV, 220kV thuộc dự án TBA 220kV/220KV Vĩnh Tường và các đường dây đầu nối 220kV/110kV" theo Hợp đồng thi công xây dựng số 19/2015/HĐTCXD-BDADL-KH ngày 23 tháng 03 năm 2015, với lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và được cố định trong suốt thời gian vay. Tài sản bảo đảm tiền vay bao gồm các tài sản thuộc sở hữu của Công ty với giá trị là 2.189.000.000 đồng và tài sản hình thành từ vốn vay;
- Hợp đồng tín dụng số 363/2015/VCB-KHDN ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền vay là 34 tỷ đồng và thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày rút vốn đến tháng Công ty trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn và được ghi trên Giấy nhận nợ. Khoản vay nhằm bù đắp vốn lưu động các chi phí đã thanh toán cho việc thi công gói thầu số 09 "Xây dựng ĐZ từ G21 - G28" và gói thầu số 12 "Xây lắp ĐZ từ G41 - G47" thuộc dự án ĐZ 500kV Sơn La - Lai Châu và Mở rộng trạm 500kV Sơn La, với lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và được cố định trong suốt thời gian vay. Tài sản bảo đảm tiền vay bao gồm các tài sản thuộc sở hữu của Công ty với giá trị là 2.189.000.000 đồng và tài sản hình thành từ vốn vay;
- {iii} Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng:
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2015-HĐTD/NHCT488-VNECO ngày 25 tháng 09 năm 2015 với số tiền vay không vượt quá 30 tỷ đồng và thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay nhằm thanh toán cho công trình thi công đường dây điện Lô 8.3: Cung đoạn thuộc tỉnh Gia Lai thuộc gói thầu số 08 "Xây lắp đường dây" thuộc dự án "ĐZ 220kV Xekaman 1 - Pleiku 2, với lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Tài sản thế chấp bao gồm quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các Hợp đồng xây lắp được quy định cụ thể tại Hợp đồng chế chế chấp quyền tài sản số 300030265/2015/01 ngày 18 tháng 08 năm 2015 giữa Công ty và bên cho vay;
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTD/NHCT488-VNECO ngày 25 tháng 09 năm 2015 với số tiền vay không vượt quá 20 tỷ đồng và thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay nhằm thanh toán cho công trình thi công đường dây điện Lô 8.1: Cung đoạn thuộc tỉnh Kom Tum, từ ĐD đến G12 thuộc gói thầu số 08 "Xây lắp đường dây" thuộc dự án "ĐZ 220kV Xekaman 1 - Pleiku 2, với lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh 1 tháng 1 lần. Tài sản thế chấp bao gồm quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các Hợp đồng xây lắp được quy định cụ thể tại Hợp đồng chế chế chấp quyền tài sản số 300030265/2015/01 ngày 18 tháng 08 năm 2015 giữa Công ty và bên cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	49.277.813.812	49.277.813.812	5.639.015.940	34.782.958.388	78.421.756.260	78.421.756.260
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân {ii}	3.200.000.000	3.200.000.000	4.320.000.000	7.600.000.000	6.480.000.000	6.480.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng {ii}	1.666.135.940	1.666.135.940	1.319.015.940	145.480.000	492.600.000	492.600.000
Ngân hàng TMCP Công thương Bắc Đà Nẵng {iii}	4.411.677.872	4.411.677.872	-	2.860.000.000	7.271.677.872	7.271.677.872
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đà Nẵng {iv}	40.000.000.000	40.000.000.000	-	10.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	-	14.177.478.388	14.177.478.388	14.177.478.388
Trái phiếu phát hành	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	199.277.813.812	199.277.813.812	5.639.015.940	34.782.958.388	228.421.756.260	228.421.756.260
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (được trình bày ở phần Vay và nợ ngắn hạn V.20)	193.820.961.060	193.820.961.060	-	33.662.958.388	33.662.958.388	33.662.958.388
Cộng các khoản vay và nợ thuế tài chính dài hạn	5.456.852.752	5.456.852.752	-	-	194.758.797.872	194.758.797.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)****Chi tiết các hợp đồng vay dài hạn như sau:**

- {i} Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2015/242753/HDTD ngày 09 tháng 06 năm 2015 với số tiền vay là 3.885.000.000 đồng trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay nhằm mua 01 xe ô tô Mercedes GL400 và 02 xe ô tô Toyota Hilux 3.0 phục vụ điều hành quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, với lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- {ii} Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 232/2015/VCB-KHDN ngày 24 tháng 07 năm 2015 với số tiền là 3.761.800.000 đồng trong thời gian 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn là 03 tháng. Khoản vay nhằm phục vụ Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công, với lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh ngay khi có thông báo lãi vay của Bên cho vay. Tài sản bảo đảm tiền vay bao gồm các tài sản thuộc sở hữu của Công ty với giá trị là 303.939.000.000 đồng và tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc thiết bị với giá trị là 5.374.000.000 đồng.
- {iii} Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng với số tiền là 10.716.677.872 đồng nhằm phục vụ Dự án Khách sạn Xanh Đà Nẵng và mua dụng cụ thi công. Hợp đồng vay có thời hạn 60 tháng từ ngày 02 tháng 10 năm 2012, với lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- {iv} Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đà Nẵng theo các hợp đồng tín dụng với số tiền là 210 tỷ đồng nhằm phục vụ Dự án cao ốc VNECO TOWER tại Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng có thời hạn 60 tháng kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2008, với lãi suất ghi trên từng Giấy nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- {v} Trái phiếu không chuyển đổi phát hành với thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2014 nhằm tái cấu trúc nguồn vốn của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam. Mệnh giá trái phiếu phát hành là 150 tỷ, với lãi suất được xác định bằng 3,5%/năm + lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch tại ngày xác định lãi suất. Lãi suất trái phiếu được điều chỉnh 06 tháng một lần, lãi suất áp dụng đối với hai kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm. Trái phiếu có tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 702 Nguyễn Kiệm, Phường 04, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh, giá trị 24.164 triệu đồng; thửa đất số 839 và 882 phường Tân Phong, quận 7, TP. HCM, giá trị 34.530 triệu đồng; số 277 Bình Đông, Phường 14, quận 8, TP.HCM, giá trị 112.986 triệu đồng; 90 lô đất tại khu đô thị mới Mỹ Thượng, xã Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, giá trị 45.221 triệu đồng. Tổng giá trị đảm bảo tạm tính là 216.901.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	193.820.961.060	33.662.958.388
Trong năm thứ hai	4.929.246.376	192.558.797.872
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	527.606.376	2.200.000.000
Sau năm năm	-	-
Cộng	199.277.813.812	228.421.756.260
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	193.820.961.060	33.662.958.388
Số phải trả sau 12 tháng	5.456.852.752	194.758.797.872

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***MẪU SỐ B 09-DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	637.210.610.000	2.725.000.000	2.132.747.058	(28.712.098.397)	11.985.555.466	713.402.160.161								
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	34.606.290.030								
Phân phối lợi nhuận	-	-	494.345.858	-	-	(14.566.593.585)								
Số dư tại ngày 31/12/2014	637.210.610.000	2.725.000.000	2.627.092.916	(28.712.098.397)	11.985.555.466	733.936.202.464								
Vốn góp tăng trong năm (*)	124.243.270.000	(202.400.000)	-	-	-	124.040.870.000								
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	89.174.117.534								
Phân phối lợi nhuận (**)	-	-	1.038.188.701	-	-	(1.038.188.701)								
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	(1.730.314.502)								
Trả cổ tức (**)	62.121.170.000	-	-	-	-	(62.121.170.000)								
Số dư tại ngày 31/12/2015	823.575.050.000	2.522.600.000	3.665.281.617	(28.712.098.397)	11.985.555.466	945.420.875.496								

(*) Vốn đầu tư chủ sở hữu tăng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-DHDCĐ ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Tổng Công ty của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam từ 637.210.610.000 đồng lên 823.577.030.000 đồng theo hình thức phát hành cổ phiếu chia có tức năm 2014 và phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Theo Giấy chứng nhận số 64/GCN-UBCK ngày 01 tháng 09 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng cho Tổng Công ty, tổng số lượng cổ phiếu Tổng Công ty chào bán và phát hành là 18.636.642 cổ phiếu, tương đương với tổng giá trị là giá trị chào bán tính theo mệnh giá là 186.366.420.000 đồng. Tổng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu là 124.040.870.000 đồng, trong đó vốn góp theo mệnh giá là 124.243.270.000 đồng và thặng dư vốn cổ phần là âm (-) 202.400.000 đồng.

(**) Phân phối lợi nhuận, trả cổ tức và trích lập các quỹ trong năm được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/VNECO-DHDCĐ ngày 25 tháng 05 năm 2015 của Tổng Công ty, trong đó: trích Vốn khác của chủ sở hữu 1.038.188.701 đồng, trích Quỹ khen thưởng 1.038.188.701 đồng, trích Quỹ phúc lợi 692.125.801 đồng, chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 62.121.170.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.357.505	63.721.061
- Cổ phiếu phổ thông	82.357.505	63.721.061
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.598.920	1.598.920
- Cổ phiếu phổ thông	1.598.920	1.598.920
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.758.585	62.122.141
- Cổ phiếu phổ thông	80.758.585	62.122.141
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Tổng Công ty có trụ sở đặt tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, Tổng Công ty có một đơn vị trực thuộc tại Đà Nẵng và một đơn vị trực thuộc tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Tuy nhiên trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đơn vị trực thuộc tại tỉnh Thừa Thiên Huế không phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Do đó, Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 02 (hai) bộ phận hoạt động: bộ phận quản lý hợp đồng xây dựng và bộ phận khác. Tuy nhiên, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động khác chưa chiếm chiếm 10% doanh thu phát sinh và lợi nhuận trong năm. Do đó, Tổng Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	913.420.973.948	901.945.935.856
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.805.914.176	3.541.501.860
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	42.107.126.342	38.601.044.653
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	867.507.933.430	859.803.389.343
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	913.420.973.948	901.945.935.856

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.127.995.312	6.692.249.305
Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng BĐS	41.657.014.911	32.568.039.084
Giá vốn của hoạt động xây lắp	729.118.824.201	591.583.810.997
Cộng	776.903.834.424	630.844.099.386

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.318.783.180	12.656.144.355
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.684.922.400	4.582.147.046
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	47.796	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	14.174
Lợi nhuận đầu tư cổ phiếu	22.017.225.226	-
Cộng	40.020.978.602	17.238.305.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	19.518.837.069	40.669.566.700
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	6.624.423.746	106.375.230.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.275
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(3.833.748.460)	(14.273.142.724)
Chi phí tài chính khác	-	206.329
Cộng	22.309.512.355	132.771.861.580

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	18.482.489.180	16.255.314.773
Chi phí công cụ, dụng cụ	584.886.390	613.075.910
Khấu hao tài sản cố định	642.814.644	135.540.052
Thuế, phí, lệ phí	980.021.812	25.541.043
Chi phí dự phòng	2.617.102.151	18.714.400.000
Dịch vụ mua ngoài	10.308.645.242	11.165.625.203
Chi phí bằng tiền khác	6.168.022.758	7.937.381.587
Cộng	39.783.982.177	54.846.878.568

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Hoàn nhập chi phí trích trước công trình	130.396.153	710.229.054
Thu nhập khác từ xử lý công nợ khó đòi	13.187.804	430
Thanh lý tài sản cố định	205.908.486	317.913.955
Các khoản thu khác	708.566.346	304.249.161
Cộng	1.058.058.789	1.332.392.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí công trình không quyết toán	1.161.870.603	52.648.457.644
Các khoản phạt hành chính	1.140.417.279	2.182.721.180
Các khoản chi khác	336.046.894	3.517.930.587
Cộng	2.638.334.776	58.349.109.411

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	112.849.001.607	43.690.277.359
Trong đó:		
Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động kinh doanh	112.350.290.176	37.657.271.790
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>6.684.922.400</i>	<i>4.582.147.046</i>
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.361.067.712</i>	<i>2.182.721.180</i>
Thu nhập chịu thuế	107.026.435.488	35.257.845.924
Thuế suất	22%	22%
Thuế TNDN phải nộp	23.545.815.807	7.756.726.104
Truy thu theo Biên bản kiểm tra thuế	19.351.751	-
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	23.565.167.558	7.756.726.104
Lợi nhuận kế toán trước thuế từ chuyển nhượng BĐS	498.711.431	6.033.005.569
Trong đó		
<i>Doanh thu chuyển nhượng</i>	<i>42.155.726.342</i>	<i>38.601.044.653</i>
<i>Giá vốn chuyển nhượng</i>	<i>41.657.014.911</i>	<i>32.568.039.084</i>
Thu nhập chịu thuế	498.711.431	6.033.005.569
Thuế suất	22%	22%
Thuế TNDN phải nộp	109.716.515	1.327.261.225
Tạm trích 1% thuế TNDN từ tiền thu liên quan đến hoạt động kinh doanh BĐS	381.054.466	-
Chi phí thuế TNDN từ chuyển nhượng BĐS	490.770.981	1.327.261.225
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	24.055.938.539	9.083.987.329

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 “Lãi cơ bản trên cổ phiếu”, Tổng Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất, mà không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng.

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.819.687.628	60.713.802.010
Chi phí nhân công	18.482.489.180	14.158.817.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.290.317.431	2.808.449.574
Chi phí dịch vụ mua ngoài	590.501.484.626	514.256.621.280
Chi phí khác bằng tiền	12.841.098.152	991.624.773
Cộng	680.935.077.017	592.929.315.186

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.20 và V.21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản vay	405.279.183.972	423.648.685.979
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	90.929.799.363	212.612.996.229
Nợ thuần	314.349.384.609	211.035.689.750
Vốn chủ sở hữu	945.420.875.496	733.936.202.464
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	33,25%	28,75%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.929.799.363	212.612.996.229
Phải thu khách hàng và phải thu khác	796.500.825.320	637.446.200.320
Đầu tư ngắn hạn	149.643.220.000	18.698.280.111
Đầu tư dài hạn	40.854.326.272	41.241.081.472
Các khoản ký quỹ	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	1.085.928.170.955	917.998.558.132
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	405.279.183.972	423.648.685.979
Phải trả người bán và phải trả khác	195.084.061.025	221.266.813.892
Chi phí phải trả	122.320.654.361	70.306.642.082
Cộng	722.683.899.358	715.222.141.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính riêng Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng là không đáng kể.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu (Tiếp theo)

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh. Các khoản đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan tại Thuyết minh VII.2.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

I. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền	90.929.799.363	-	90.929.799.363
Phải thu khách hàng và phải thu khác	763.085.328.119	33.415.497.201	796.500.825.320
Đầu tư ngắn hạn	149.643.220.000	-	149.643.220.000
Đầu tư dài hạn	-	40.854.326.272	40.854.326.272
Các khoản ký quỹ	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Cộng	1.011.658.347.482	74.269.823.473	1.085.928.170.955
31/12/2015			
Các khoản vay	399.822.331.220	5.456.852.752	405.279.183.972
Phải trả người bán và phải trả khác	195.084.061.025	-	195.084.061.025
Chi phí phải trả	122.320.654.361	-	122.320.654.361
Cộng	717.227.046.606	5.456.852.752	722.683.899.358
Chênh lệch thanh khoản thuần	294.431.300.876	68.812.970.721	363.244.271.597
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
01/01/2015			
Tiền	212.612.996.229	-	212.612.996.229
Phải thu khách hàng và phải thu khác	586.146.093.827	51.300.106.493	637.446.200.320
Đầu tư ngắn hạn	18.698.280.111	-	18.698.280.111
Đầu tư dài hạn	-	41.241.081.472	41.241.081.472
Các khoản ký quỹ	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	817.457.370.167	100.541.187.965	917.998.558.132
01/01/2015			-
Các khoản vay	228.889.888.107	194.758.797.872	423.648.685.979
Phải trả người bán và phải trả khác	221.266.813.892	-	221.266.813.892
Chi phí phải trả	70.306.642.082	-	70.306.642.082
Cộng	520.463.344.081	194.758.797.872	715.222.141.953
Chênh lệch thanh khoản thuần	296.994.026.086	(94.217.609.907)	202.776.416.179

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Công ty con
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÉCA VNECO	Công ty con
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Công ty con
Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia	Công ty con
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>
Mua hàng		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	16.675.059.025	-
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	27.506.819.968	18.300.788.679
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	37.159.031.481	22.367.828.334
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	7.016.473.209	9.970.117.702
Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÉCA-VNECO	11.662.100.743	17.086.187.640
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	3.321.291.059	13.533.907.836
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	89.494.729.230	27.962.545.416
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	55.261.940.367	9.196.918.458
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	61.766.893.173	24.403.684.641
Cộng	<u>309.864.338.255</u>	<u>142.821.978.706</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	86.051.720	76.051.720
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	-	71.114.521
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	-	559.537.693
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	30.000.000	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA-VNECO	37.921.396.614	38.990.532.330
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	33.415.497.201	43.300.106.493
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	741.189.509	616.277.161
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	3.441.202.176	21.883.502.829
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	703.872.540	614.349.120
Cộng	76.339.209.760	106.111.471.867
Các khoản phải trả		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	15.703.920.423	15.604.955.426
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	22.221.814.903	16.633.659.895
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	21.418.189.765	20.411.906.080
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	2.998.456.203	4.770.048.998
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA-VNECO	874.503.051	-
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	778.306.917	5.847.120.505
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	41.478.851.295	18.379.785.532
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7	4.022.248.558	11.300.000.000
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	18.301.283.641	11.584.055.762
Cộng	127.797.574.756	104.531.532.198
Các khoản cho vay		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện MÊCA-VNECO	77.482.167.143	73.258.110.920
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	117.707.538.985	104.649.692.325
Cộng	195.189.706.128	177.907.803.245

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập và các khoản vay của Ban Tổng Giám đốc

Thu nhập Ban Giám đốc Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương	2.728.923.000	2.187.337.600
Thù lao Hội đồng quản trị	479.750.000	396.000.000
Cộng	3.208.673.000	2.583.337.600

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2015 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh của các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng là số liệu tương ứng trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán. Tuy nhiên, một số số liệu của Báo cáo tài chính riêng tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 được phân loại và trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp.

Chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính		BẢNG CÁN ĐỐI KẾ TOÁN		Chênh lệch
		01/01/2015	01/01/2015	
TÀI SẢN		TÀI SẢN		01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
1. Chứng khoán kinh doanh	12.643.316.020	1. Đầu tư ngắn hạn	24.423.666.131	(11.780.350.111)
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(5.725.386.020)	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(5.725.386.020)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.780.350.111	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	-	11.780.350.111
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	177.907.803.245	177.907.803.245
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	177.907.803.245	4. Phải thu ngắn hạn khác	282.872.119.861	(162.817.525.596)
4. Phải thu ngắn hạn khác	282.872.119.861	V. Tài sản ngắn hạn khác	-	(15.090.277.649)
V. Tài sản ngắn hạn khác		5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(15.090.277.649)
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	250.608.857.857	(250.608.857.857)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN		IV. Tài sản dở dang dài hạn		
IV. Tài sản dở dang dài hạn		1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250.608.857.857	250.608.857.857
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	250.608.857.857	NGUỒN VỐN	01/01/2015	01/01/2015
NGUỒN VỐN	01/01/2015	NGUỒN VỐN		Chênh lệch
C. NỢ PHẢI TRẢ		A. NỢ PHẢI TRẢ		
I. Nợ ngắn hạn		I. Nợ ngắn hạn		
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	228.889.888.107	1. Vay và nợ ngắn hạn	195.226.929.719	33.662.958.388
II. Nợ dài hạn		II. Nợ dài hạn	228.421.756.260	(33.662.958.388)
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	194.758.797.872	1. Vay và nợ dài hạn	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		B. NGUỒN VỐN	637.210.610.000	-
I. Vốn chủ sở hữu		I. Vốn chủ sở hữu	637.210.610.000	-
1. Vốn góp của chủ sở hữu	637.210.610.000	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	637.210.610.000	5. Quỹ đầu tư phát triển	2.757.563.170	9.227.992.296
- Cổ phiếu ưu đãi	-	6. Quỹ dự phòng tài chính	9.227.992.296	(9.227.992.296)
5. Quỹ đầu tư phát triển	11.985.555.466	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	108.100.042.479	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	73.493.752.449	73.493.752.449
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	108.100.042.479	- LNST chưa phân phối năm này	34.606.290.030	34.606.290.030
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	73.493.752.449			
- LNST chưa phân phối năm này	34.606.290.030			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

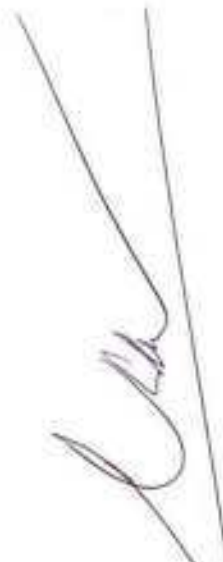
Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

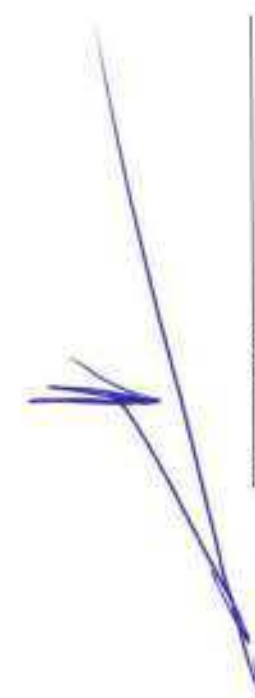
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 09-DN**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***VI. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****4. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				Chênh lệch
Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính	Năm 2014	CHI TIẾT	Năm 2014	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	901.945.935.856	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	902.021.331.454	(75.395.598)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	75.395.598	(75.395.598)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	901.945.935.856	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	901.945.935.856	-


Trần Quang Cán**Người lập biểu**

Ngày 28 tháng 03 năm 2016


Phan Anh Quang**Kế toán trưởng****Đoàn Đức Hồng****Tổng Giám đốc**